

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non  
và phổ thông công lập năm học 2016-2017 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;*

*Căn cứ Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2016-2017 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1226/TTr-SGDĐT ngày 08 tháng 8 năm 2016 về việc ban hành Quyết định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập từ năm học 2016-2017.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm học 2016-2017, như sau:

1. Mức thu học phí đối với địa bàn các phường và thị trấn

- a) Mẫu giáo một buổi: 60.000 đồng/cháu/tháng.
- b) Nhà trẻ, mẫu giáo bán trú: 90.000 đồng/cháu/tháng.
- c) Trung học cơ sở: 60.000 đồng/học sinh/tháng.



d) Trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông: 90.000 đồng/học sinh/tháng.

2. Mức thu học phí đối với địa bàn xã

a) Mẫu giáo một buổi: 30.000 đồng/cháu/tháng.

b) Nhà trẻ, mẫu giáo bán trú: 42.000 đồng/cháu/tháng.

c) Trung học cơ sở: 30.000 đồng/học sinh/tháng.

d) Trung học phổ thông, bổ túc trung học phổ thông: 50.000 đồng/học sinh/tháng.

3. Số tháng và thời gian thu học phí và quy định miễn giảm học phí

a) Giáo dục mầm non thu theo tháng thực học; giáo dục phổ thông mỗi năm học thu học phí 09 tháng, thu 2 lần (học kỳ I thu 05 tháng; học kỳ II thu 04 tháng).

b) Các quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, tổ chức thu và sử dụng học phí: Thực hiện theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH.

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Tài chính chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện theo đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2016 và thay thế Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2014-2015 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3 của QĐ;
- Website Chính phủ;
- Bộ GD&ĐT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- TV. UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMT Tổ quốc Viện Nam tỉnh KG;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, Sở GD&ĐT, Idlinh. 79

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Phạm Vũ Hồng